

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 7 - 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Tảo, bà Trương Thị Dung.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Cấp - Kiểm sát viên.

Ngày 21/7/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2025/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/6/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Đ, sinh ngày 03/11/1994.

Giấy Căn cước công dân số: 037194009633 Cấp ngày: 03/7/2024

Địa chỉ: Xóm C, xã K, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Bùi Viết H, sinh ngày 30/6/1995;

Giấy Căn cước công dân số: 036095018575

Địa chỉ: Thôn B, xã V, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị Đ, anh H (chị Đ có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; anh H vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị Đ trình bày: Chị và anh Bùi Viết Hòa kết H1 trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định ngày 08/3/2016. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc nhưng từ khoảng tháng 8/2019 thì giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra bất đồng nên cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Chị Đ đã chủ động về

nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 11/2023, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Viết H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Bùi Viết Huy K, sinh ngày 08/7/2016 và Bùi Khánh L, sinh ngày 09/11/2018. Hiện nay cháu K đang ở cùng anh H, cháu L đang ở cùng chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu L và để anh H nuôi dưỡng cháu K, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập anh H đến làm việc nhưng anh H vắng mặt không lý do.

3. Theo đơn trình bày nguyện vọng của cháu Bùi Viết Huy K, sinh ngày 08/7/2016 trình bày nguyện vọng xin được ở cùng cả bố và mẹ.

4. Kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện nội dung: Anh Bùi Viết H và chị Phạm Thị Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định ngày 08/3/2016. Quá trình chung sống, anh H và chị Đ có xảy ra mâu thuẫn gì với nhau, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Hiện nay, chị Đ không còn chung sống cùng anh H tại thôn B, xã Y nữa. Về con chung: Anh H và chị Đ có 02 con chung là Bùi Viết Huy K, sinh ngày 08/7/2016 và Bùi Khánh L, sinh ngày 09/11/2018, hiện nay cháu K đang ở cùng anh H, cháu L ở cùng chị Đ. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị Đ cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Đ, địa phương đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H, anh H biết việc chị Đ xin ly hôn tại Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình nhưng do bận đi làm nên không đến Tòa án để giải quyết vụ án được. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

5. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc, chị Đ có mặt, anh H vắng mặt. Chị Đ có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Chị Đ xin giải quyết vắng mặt. Anh H mặc dù được Toà án triệu tập họp lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị Đ đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung:

Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Đ.

Về con chung: Đề nghị áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung cháu Bùi Khánh L, sinh ngày 09/11/2018 cho chị Phạm Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung cháu Bùi Viết Huy K, sinh ngày 08/7/2016 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc chị Đ phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Đ có đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh H mặc dù được Toà án triệu tập họp lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Đ và anh Bùi Viết H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 08/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định cũ, nay là xã V, tỉnh Ninh Bình. Đây là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy

đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không tìm được tiếng nói chung, hay xảy ra va chạm dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chủ động sống ly thân và kiên quyết xin ly hôn với anh H. Về phía anh H, mặc dù anh biết việc chị Đ xin ly hôn, đã được Toà án triệu tập để tham gia tố tụng, thông báo để hoà giải cho anh chị nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với chị Đ nữa. Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh chị nhưng anh H vẫn vắng mặt. Chị Đ đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án, kiên quyết xin ly hôn anh H nên Toà án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị Đ, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Đ và anh H có 02 con chung là Bùi Viết Huy K, sinh ngày 08/7/2016 và Bùi Khánh L, sinh ngày 09/11/2018. Kể từ khi sống ly thân, cháu K ở cùng anh H, cháu L ở cùng chị Đ. Việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm, nghĩa vụ, là quyền lợi của cha mẹ. Xét thấy, kể từ khi sống ly thân đến nay con chung cháu L ở cùng chị Đ, cháu K ở cùng anh H vẫn được anh, chị chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển khỏe mạnh, bình thường. Để san sẻ trách nhiệm trong việc chăm sóc, nuôi dạy con con, trên cơ sở xét nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao cháu L cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu K cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng để các cháu phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị Đ, anh H không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc chị Đ phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị Đ và anh Bùi Viết H.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Khánh L, sinh ngày 09/11/2018 cho chị Phạm Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Bùi Viết Huy K, sinh ngày 08/7/2016 cho anh Bùi Viết H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Phạm Thị Đ phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001594, ngày 28/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị Đ đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Phạm Thị Đ và anh Bùi Viết H vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 8 - Ninh Bình;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Vũ Dương, tỉnh Ninh Bình;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Ngọc Bích